

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/DS-ST

Ngày: 18-02-2025

Về việc: “*Tranh chấp dân sự về
hợp đồng uỷ quyền*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Thị Hải Đường

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà L
Phượng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh T xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2024/TLST-DS ngày 16-10-2024 về “*Tranh
chấp dân sự về hợp đồng uỷ quyền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
05/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số
14/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Thanh L, sinh năm 1990; (có đơn đề nghị giải quyết vắng
mặt)

Địa chỉ: số 01, hẻm số 13, đường Trần Văn Trà, ấp Giồng Tre, xã Bình Minh,
thành phố T, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Vũ Thanh Q, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Số 1506, đường ĐT781, ấp Ninh Thuận, xã Bàu Nặng, Huyện D, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Phạm Thị N, sinh năm 1991; (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: số 01, hẻm số 13, đường Trần Văn Trà, ấp Giồng Tre, xã Bình Minh,
thành phố T, tỉnh T.

+ Văn phòng Công chứng Dương Kim Hà; (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số 460, đường 30/4, khu phố 5, phường 3, thành phố T, tỉnh T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện 18 tháng 7 năm 2024, lời trình bày anh Trần Thanh L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:*

Anh L không vay tiền ông Q nhưng có cho anh Long mượn đất để đảm bảo vay tiền ông Q số tiền 1.000.000.000 đồng. Anh Long là người trực tiếp vay và nhận tiền. Vì vậy ngày 17 tháng 8 năm 2022, anh L và chị N và ông Q ký hợp đồng uỷ quyền số 6111, quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD uỷ quyền cho ông Q toàn quyền đối với phần đất diện tích 1048,8m² thuộc thửa đất số 1436, tờ bản đồ số 28 toạ lạc tại ấp Giồng Tre, xã Bình Minh, thành phố T, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV670677, sổ vào sổ cấp GCN:CS07055 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 08/10/2020 cho anh Trần Thanh L và chị Phạm Thị N đứng tên. Tuy nhiên, ông Q đã bị xử lý hình sự về hành vi cho vay lãi nặng theo Bản án số 134/2023/HS-PT ngày 30/9/2023 của Toà án nhân dân tỉnh T quyết định buộc ông Q trả lại cho anh chị bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh L và chị N đã nhận được bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tuy nhiên giữa anh L, chị N và ông Q có hợp đồng uỷ quyền. Do đó, nay anh L khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng uỷ quyền số 6111, quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/8/2022 là vô hiệu do giả tạo để che giấu hợp đồng vay tài sản giữa anh Long và ông Q.

Việc anh Long vay tiền của ông Q anh chị có biết nhưng không biết cụ thể do anh Long chỉ mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhờ anh chị ký hợp đồng uỷ quyền chứ anh chị không có cùng anh Long vay tiền của ông Q như trình bày của ông Q. Cũng theo Bản án anh Long có nghĩa vụ nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000.000 đồng là nghĩa vụ của anh Long với nhà nước nên việc ông Q yêu cầu anh Long phải nộp tiền vào Ngân sách nhà nước mới đồng ý huỷ hợp đồng uỷ quyền là không đúng.

** Lời trình bày của ông Vũ Thanh Q trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:*

Ông Q thừa nhận có ký hợp đồng uỷ quyền số 6111, quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/8/2022 với anh L và chị N để ông được toàn quyền đối với phần đất diện tích 1048,8m² thuộc thửa đất số 1436, tờ bản đồ số 28 toạ lạc tại ấp Giồng Tre, xã Bình Minh, thành phố T, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV670677, sổ vào sổ cấp GCN:CS07055 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 08/10/2020 cho anh Trần Thanh L và chị Phạm Thị N đứng tên. Mục đích của việc ký hợp đồng uỷ quyền là để làm tin việc ông cho anh L, chị N và anh Long vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Do ông Q bị xử lý hình sự về tội cho vay lãi nặng theo Bản

án số 134/2023/HS-PT ngày 30/9/2023 của Toà án nhân dân tỉnh T nên ông đã trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh L và chị N nhưng anh L, chị N và anh Long là người vay tiền của ông nhưng anh chị chưa thực hiện nghĩa vụ nộp số tiền 1.000.000.000 đồng vào Ngân sách nhà nước nên ông không đồng ý huỷ hợp đồng uỷ quyền theo yêu cầu của anh L và chị N.

** Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Văn phòng công chứng Dương Kim Hà thể hiện:*

Văn phòng công chứng Dương Kim Hà đã tiếp nhận hồ sơ công chứng hợp đồng uỷ quyền số 6111, quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/8/2022 giữa anh Trần Thanh L, chị Phạm Thị N và ông Vũ Thanh Q theo đúng quy định của pháp luật nên việc anh L yêu cầu tuyên bố hợp đồng uỷ quyền vô hiệu Văn phòng không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Phạm Thị N thể hiện:*

Chị N xác định có ký hợp đồng uỷ quyền số 6111, ngày 17/8/2022 tại Văn phòng công chứng Dương Kim Hà. Chị N xác định không biết ông Q và cũng không vay tiền, nhận tiền của ông Q. Hiện chị đã nhận lại bản chính giấy CNQSDĐ. Chị thống nhất yêu cầu khởi kiện của anh L.

** Lời trình bày của người làm chứng anh Hoàng Phi Long thể hiện:*

Anh Long thừa nhận có vay của ông Q số tiền 1.000.000.000 đồng, để làm tin anh có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh L và chị N cầm cố cho ông Q nên ngày 17/8/2022 anh L, chị N và ông Q ký hợp đồng uỷ quyền số 6111, quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD để ông được toàn quyền đối với phần đất diện tích 1048,8m² thuộc thửa đất số 1436, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp Giồng Tre, xã Bình Minh, thành phố T, tỉnh T. Tuy nhiên, do ông Q bị xử lý hình sự về tội cho vay lãi nặng theo Bản án số 134/2023/HS-PT ngày 30/9/2023 của Toà án nhân dân tỉnh T nên ông Q đã trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh L và chị N. Do đó, nay anh đồng ý việc anh L yêu cầu tuyên bố hợp đồng uỷ quyền số 6111, quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu vì việc anh vay tiền của ông Q không liên quan đến anh L và chị N.

Việc ông Q yêu cầu anh phải thực hiện nghĩa vụ nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000.000 đồng mới đồng ý huỷ hợp đồng uỷ quyền là không đúng vì anh Long có nghĩa vụ với nhà nước không phải nghĩa vụ với ông Q.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ

lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 116, 117, 122, 124 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh L đối với ông Vũ Thanh Q về tranh chấp hợp đồng uỷ quyền. Tuyên bố hợp đồng uỷ quyền số 6111, quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD uỷ quyền cho ông Q toàn quyền đối với phần đất diện tích 1048,8m² thuộc thửa đất số 1436, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp Giồng Tre, xã Bình Minh, thành phố T, tỉnh T là vô hiệu.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp ấp Ninh Thuận, xã Bàu Năng, Huyện D. Anh L có yêu cầu khởi kiện phát sinh từ hợp đồng uỷ quyền nên căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân Huyện D giải quyết vụ án là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Trần Thanh L xác định ngày 17-8-2022 anh L, chị N và ông Q ký hợp đồng uỷ quyền số 6111, quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD uỷ quyền cho ông Q toàn quyền đối với phần đất diện tích 1048,8m² thuộc thửa đất số 1436, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp Giồng Tre, xã Bình Minh, thành phố T, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV670677, sổ vào sổ cấp GCN:CS07055 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 08/10/2020 cho anh Trần Thanh L và chị Phạm Thị N đứng tên. Mục đích của việc ký hợp đồng uỷ quyền là để anh Hoàng Phi Long vay của ông Q số tiền 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Q đã bị xử lý hình sự về hành vi cho vay lãi nặng theo Bản án số 134/2023/HS-PT ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh T buộc ông Q trả lại cho anh chị bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh L và chị N đã nhận được bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng giữa anh L, chị N và ông Q có hợp đồng uỷ quyền. Do đó, nay anh L khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng uỷ quyền số 6111, quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/8/2022 là vô hiệu do giả tạo để che giấu hợp đồng vay tài sản giữa anh Long và ông Q.

[2.1] Xét yêu cầu của anh L thấy rằng: Thực tế ngày 17-8-2022 anh L, chị N và ông Q có ký hợp đồng uỷ quyền số 6111, quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Dương Kim Hà để uỷ quyền cho ông Q toàn quyền đối với phần đất diện tích 1048,8m² thuộc thửa đất số 1436, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp

Giồng Tre, xã Bình Minh, thành phố T, tỉnh T là để đảm bảo cho khoản vay 1.000.000.000 đồng giữa anh Long với ông Q. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2023HS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T và Bản án hình sự phúc thẩm số 134/2023/HS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh T cũng xác định việc anh L, chị N ký hợp đồng uỷ quyền cho ông Q. Do đó, có căn cứ xác định việc anh L, chị N và ông Q ký hợp đồng uỷ quyền là để che giấu hợp đồng vay tài sản giữa anh Long và ông Q nên vô hiệu.

[2.2] Hiện anh L và chị N đã nhận lại bản chính giấy CNQDD, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Việc ông Q cho rằng anh Long phải thực hiện nghĩa vụ nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000.000 đồng thì ông mới đồng ý huỷ hợp đồng uỷ quyền là không có căn cứ xem xét. Bởi lẽ, việc huỷ bỏ hợp đồng uỷ quyền không phụ thuộc vào việc anh Long có thực hiện nghĩa vụ hay không vì anh Long có nghĩa vụ nộp tiền vào Ngân sách nhà nước không phải thực hiện nghĩa vụ với ông Q. Mặt khác, ông Q cho rằng ông cho 03 người là anh L, chị N và anh Long vay số tiền 1.000.000.000 đồng tuy nhiên anh L, chị N và anh Long không thừa nhận, xác định cá nhân anh Long vay. Ông Q không có chứng cứ chứng minh việc anh L, chị N cùng anh Long vay tiền của ông.

Từ những phân tích trên cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L về yêu cầu tuyên bố hợp đồng uỷ quyền số 6111, quyền số 08/2022 TP/CC-SCC-HĐGD, ngày 17/8/2022 tại Văn phòng công chứng Dương Kim Hà giữa anh L, chị N với ông Q là vô hiệu do giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản.

[3] Từ những phân tích nêu trên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh T.

[4] Về án phí: ông Q phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 117, 122, 124 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh L đối với ông Vũ Thanh Q về tranh chấp “*Hợp đồng uỷ quyền*”.

Tuyên bố hợp đồng uỷ quyền số 6111, quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/8/2022 đối với phần đất diện tích 1048,8m² thuộc thửa đất số 1436, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp Giồng Tre, xã Bình Minh, thành phố T, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV670677, sổ vào sổ cấp GCN:CS07055 do Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 08/10/2020 cho anh Trần Thanh L và chị Phạm Thị N đứng tên là vô hiệu.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

Ông Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho anh L số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008181 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh T.

3. Án dân sự được xét xử công khai báo cho các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND H.DMC;
- Chi cục THADS H.DMC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP.

Lê Thị Hoàng Yến